

## M U

### 1. Lý do chọn tài

1. Trong dạy học, sự đổi mới bài tập (BT) là một phương tiện quan trọng góp phần thúc đẩy nội dung cơ bản của nguyên lý giáo dục: *Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn*, nâng cao hứng thú, rèn luyện năng lực nhận thức tập thể cho sinh viên (SV), góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo tại các trường chuyên nghiệp hiện nay.

Do vậy, thi tốt nghiệp và sự đổi mới hình thức BT đã đổi mới và hiệu quả trong dạy học (DH) là vấn đề cần quan tâm, tuy nhiên làm thế nào có một hình thức BT hay, hấp dẫn thì hiện nay còn ít bàn cãi. Các bài tập thuộc BT, hình thức BT cho một bài học, hình thức BT cho một giáo trình và qui trình sự đổi mới BT trong dạy học theo phương thức đào tạo tín chỉ thì chưa có một công trình khoa học nào đi sâu nghiên cứu.

Vì sự đổi mới BT trong dạy học hiện nay còn tồn tại nhiều bất cập, chúng tôi nhận thấy phương pháp sự đổi mới hình thức BT của giảng viên (GV) trong dạy học hiện nay chưa hợp lý, GV thường sự đổi mới BT nhằm mục đích thi thức, vì sự phân loại BT rèn luyện tư duy logic, các kỹ năng nghề cho SV chưa chú trọng. Do vậy, kết quả kiểm tra môn học cho thấy SV có thể tái hiện nội dung lý thuyết, nhưng kỹ năng thực hành môn học chưa tốt, kỹ năng mềm và kỹ năng tự học còn nhiều yếu kém.

2. Nâng cao chất lượng đào tạo GV là một nhiệm vụ quan trọng của các trường sư phạm hiện nay. Trong những năm vừa qua, việc xây dựng và phát triển đội ngũ GV đã có GV nhận thức yêu cầu và bắt đầu phong trào học tập mỗi ngày. Tuy nhiên, công tác đào tạo còn bộc lộ những hạn chế như: phương pháp giảng dạy của GV vẫn còn nặng về truyền thụ lý thuyết, nặng về thực hành, luyện tập; công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP) chưa chú trọng đến việc xuyên suốt và quan tâm ứng dụng, đưa vào của SV tại các trường sư phạm hoặc các trường đại học ngành có khoa sư phạm trong những năm gần đây thì phần lớn ngành thì vẫn còn theo qui định của Bộ Giáo dục - Đào tạo, bản thân SV còn lơ đãng, thờ ơ, học tập chưa đạt... Vì vậy quy tắc mâu thuẫn trên, cần tìm kiếm toàn diện công tác đào tạo của trường HSP, trong đó việc tìm kiếm cách dạy của GV theo hướng phát triển tính chủ động, tích cực của SV trong học tập, rèn luyện kỹ năng nghề là một yêu cầu có tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

3. Trong trường sư phạm, Giáo dục học (GDH) là môn học nghiệp vụ, có vai trò cần thiết quan trọng trong việc rèn luyện cho SV những kỹ năng nghề nghiệp, ý thức, đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên, việc rèn luyện kỹ năng DH và GD cho SV thông qua môn học này chưa chú trọng xuyên suốt, các BT sự đổi mới trong dạy học thường mang tính chất kinh nghiệm, thiếu tính hệ thống, chưa xây dựng và sự đổi mới trên một cơ sở lý luận rõ ràng. Do vậy, kết quả học tập các học phần GDH của SV còn thấp, phần thực hành, xử lý tình huống nghề còn nhiều hạn chế.

4. Dự h c t i các tr ã ng ã h c hi n nay c th c hi n theo ph ã ng th c ào t o t i n ch , ph ã ng th c ào t o m i này nh m t ng c ã ng kh ã n ng t h c c a SV. Do v y, thi t k và s ã d ng h th ã ng BT trong d y h c s giúp SV ch ã ng trong h c t p, r ã n ng h ã kh ã ng ch tr ã n l p mà c ã ngoài gi ã l ã n l p nh m g ã p ph ã n ã n ã ng cao ch t l ã ng GD ã h c.

Do v y, vi c l ã ch ã n ã tài: “*Thi t k và s ã d ng h th ã ng bài t p trong d y h c h c ph ã n GDH tr ã ng ã h c*” là v ã n c p thi t nh m g ã p ph ã n th c hi n m c tiêu giã d c ã h c trong giai ã o n h i n nay.

## 2. M c í ch nghi ã n c u

Thi t k h th ã ng bài t p và ã xu t qui tr ã n s ã d ng ch ã ng trong d y h c nh m k i c h th i c h SV ch ã ng tìm ki m tri th c thông qua các hành ã ng h c, g ã p ph ã n ã n ã ng cao ch t l ã ng ào t o GV t i các tr ã ng HSP hi n nay.

## 3. Khã ch th và ã t ã ng nghi ã n c u

3.1. *Khã ch th nghi ã n c u*: Ho t ã ng d y h c môn GDH t i các tr ã ng s p h m.

3.2. *ã t ã ng nghi ã n c u*: M i quan h c a BT v i các thành t c a quá tr ã n d y h c.

## 4. Gi thuy t khoa h c

N u thi t k c m t h th ã ng bài t p GDH m b o ã d ng và cân ã gi ã BT lý thuy t - BT th c hành, BT tái hi n - BT sáng t o, ã ng th i s ã d ng h th ã ng BT phát huy t i c h c c, ch ã ng, sáng t o c a ã ng ã h c trong h c t p thì s ã ã n ã ng cao ch t l ã ng giã d c - ào t o t i các tr ã ng ã h c s p h m hi n nay.

## 5. Nhi m v nghi ã n c u

5.1. Nghi ã n c u c s lí lu ã n c a vi c thi t k và s ã d ng h th ã ng BT trong d y h c h c ph ã n Giã d c h c tr ã ng ã h c

5.2. Kh o sã t th c tr ã ng vi c thi t k và s ã d ng h th ã ng bài t p trong d y h c h c ph ã n giã d c h c tr ã ng ã h c.

5.3. Thi t k h th ã ng BT và s ã d ng h th ã ng BT theo qui tr ã n ã xu t.

5.4. T c h c th c nghi m s p h m nh m ki m ch ã ng t i c h khoa h c, t i c h kh thi c a h th ã ng bài t p Giã d c h c và quy tr ã n s ã d ng ã xu t.

## 6. Ph ã m vi nghi ã n c u

6.1. *Gi ã h n v ã ã i dung nghi ã n c u*: Lu ã n án t p trung nghi ã n c u h th ã ng bài t p ph ã n I: Nh ã ng v ã n chung c a GDH (H c ph ã n: GDH) h HSP.

6.2. *Gi ã h n v ã ã t ã ng nghi ã n c u*: Sinh vi ã n n m th hai h ã ã h c s p h m chính quy, gi ã ng vi ã n gi ã ng d y môn Tâm lý - Giã d c

6.3. *Gi ã h n v ã ã à bàn, th ã i gian nghi ã n c u.*

- Kh o sã t ã i u tra t i các tr ã ng: ã h c ( H) S p h m Hà N i, H H ã ng c, H s p h m Hu , H Sài Gòn, H s p h m Thành ph H Chí Minh

- Th c nghi m s p h m: T i tr ã ng ã h c H ã ng c.

## 7. Ph ã ng pháp nghi ã n c u

7.1. *Các ph ã ng pháp nghi ã n c u lý lu ã n*

Bao g m phân t i c h, t ã ng h p, h th ã ng hoá các t lí u, ph ã ng pháp t ã ng

quan so sánh, phương pháp lịch sử.

## 7.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra, phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động, phương pháp quan sát, phương pháp thực nghiệm số lượng, phương pháp thống kê toán học.

## 8. Nhiệm vụ đóng góp mới của luận án

### 8.1. Về lý luận

Luận án làm rõ hơn những vấn đề lý luận về BT, những điểm mới trong chương trình Giáo dục học tập các trường tiểu học hiện nay theo phương thức đào tạo tích hợp.

Hoàn thiện và phát triển lý thuyết thi trắc và số đo BT trong DH bao gồm các yêu cầu, nguyên tắc, qui trình thi trắc: một bài tập, hình thức BT cho một bài học, hình thức BT cho một giáo trình và số đo BT phù hợp với chức năng của mỗi hình thức.

### 8.2. Về thực tiễn

Qua khảo sát thực trạng việc sử dụng BT trong dạy học môn Giáo dục học nhằm tìm hiểu những mặt tích cực, thái độ của SV về mặt nhận thức về việc sử dụng BT trong dạy học, những nguyên nhân chủ quan và khách quan có ảnh hưởng tới quá trình dạy học của SV, trong đó xác định nguyên nhân chủ quan có ảnh hưởng lớn nhất.

Vấn đề nghiên cứu thi trắc BT thi trắc 74 bài tập học phần Giáo dục học trong phần: *Những vấn đề chung của GDH* gồm BT lý thuyết và BT thực hành, BT tái hiện - BT sáng tạo trong đó chương I: 14 BT, chương II: 29 BT, chương III: 31 BT và thực nghiệm hình thức bài tập thi trắc.

**9. Cấu trúc của luận án:** Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án gồm 4 chương.

## Chương 1

### C S LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ SỐ ĐO BÀI TẬP TRONG DẠY HỌC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC HỌC TRƯỜNG TIỂU HỌC

#### 1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

##### 1.1.1. Trên thế giới

Vấn đề thi trắc và số đo hình thức BT trong dạy học đã được nhiều nhà khoa học trên thế giới quan tâm. Ngay thế kỷ 18, nhà giáo dục Thu S (1746 - 1827) Pestalozzi đã khẳng định: “Khả năng thực hiện những điều mà trái tim và khả năng đòi hỏi phải làm là tu dưỡng vào những khả năng hành động của con người. Những khả năng này được hình thành là những hình thức các bài luyện tập cụ thể, có hình thức và mục đích khó khăn, phức tạp để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề”. [61, tr 120].

Đến thế kỷ XX, L.X Vgotxki (1896 - 1934) - nhà tâm lý học Xô Viết xây

đồng lý thuyết “*Vùng cận phát triển*”, ông cho rằng: Tỉ mỉ thì tỉ mỉ trong sự phát triển của trẻ em cũng có 2 trình độ: *mức phát triển hiện tại và vùng phát triển gần nhất*. Có thể nhận biết 2 trình độ này thông qua việc HS giải quyết các nhiệm vụ học tập với 2 mức độ khác nhau. Mức độ nhất là các BT mà trẻ thực hiện được, và mức độ 2 là các BT khó hơn có sự giúp đỡ của người lớn.

Cuối những năm 80 của thế kỷ XX, một số tác giả Liên Xô (cũ) như: G.C. Koschuc [103]; G.A. Ball [100], V. C. Avanhexop [96, 97, 98, 99]... coi quá trình DH là quá trình thích ứng cho học sinh thực hiện các BT. Ngoài ra, các tác giả Socolovskaia 1971, Abramova, P.B. Gophman, Kadoshicov,... [54], [58] đã có nhiều bài viết/công trình về phương pháp nhận biết, ý nghĩa, nội dung, phương pháp thi thố, sự đồng cấu học, BT trong dạy học.

Bên cạnh các loại BT, nhiều tác giả như I. Lecner, N. A Rubakin, Rretke, Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Jane E. Pollock, I.F Kharlamov, N. V. Borovikova và A.A. Rean [76], [77], [57], [33], [101]... đã đề cập đến các dạng bài tập sau: (BT) nhận thức, BT rèn luyện kỹ năng thực hành, BT tình huống, BT sáng tạo..., trong đó BT tình huống của các tác giả được nhiều học sinh thích.

Như vậy: Nghiên cứu và sự đồng cấu BT trong dạy học không phải là vấn đề mới trong thực tiễn mà đã được các nhà khoa học đề cập từ rất sớm. Tỉ mỉ trong những gì các tác giả là: *Giải BT là quá trình ứng dụng tri thức, phát huy năng lực trí tuệ của người học, bồi dưỡng niềm đam mê, tính sáng tạo trong khoa học nhằm góp phần hình thành và phát triển phương pháp dạy học trong các nhà trường*. Tuy nhiên, vấn đề lý luận về kỹ thuật thi thố và sự đồng cấu BT còn ít được bàn tới, phương pháp đánh giá kết quả của BT chưa được nghiên cứu, vì vậy phần nào đã làm hạn chế tác dụng và giá trị của việc sử dụng BT trong dạy học.

### 1.1.2. *Việt Nam*

Vấn đề thi thố và sự đồng cấu BT trong dạy học đã có nhiều nhà khoa học quan tâm và có nhiều bài viết trong đó điển hình là các tác giả Vũ Văn Thọ, Trần Văn Hà, Nguyễn Ngọc Quang, Nguyễn Cảnh Toàn, Thái Duy Tuyên... Việc sử dụng hình thức BT trong dạy học có vai trò quan trọng, nó tạo ra những tình huống học tập nhằm kích thích sinh viên phát triển tư duy, bồi dưỡng năng lực thực hành. BT gồm 2 dạng cơ bản: BT lý thuyết và BT thực hành. Trong mỗi loại BT, có các BT tái hiện, BT sáng tạo.

Theo hướng nghiên cứu này, có 1 số công trình nghiên cứu khoa học của các tác giả gần đây như: Bùi Thị Mùi, Phan Thị Lan Phương, Trần Thị Hằng, Vũ Thị Nguyệt, Lê Thanh Oai, Trần Đình Châu...

#### Đánh giá chung:

*Thứ nhất:* Hầu hết các tác giả đều chú trọng quan trọng của việc sử dụng BT trong DH, trong đó BT tình huống là dạng BT được các nhà khoa học quan tâm nhiều hơn.

*Thứ hai:* Kết quả nghiên cứu của 1 số công trình khoa học GDH gần đây nhận thấy các công trình nghiên cứu đều chưa đi sâu làm rõ những yêu cầu, nguyên tắc, qui trình thi thố và sự đồng cấu: một BT, hình thức BT cho một bài

h c, h th ng BT cho m t giáo trình trong d y h c theo ph ng th c ào t o t ín ch . Các k t qu nghiên c u ch y u m i d ng m c a ra nh ng yêu c u, nguyên t c và qui trình thi t k m t lo i BT c th nào ó, vi c phân lo i BT lý thuy t - BT th c hành, BT tái hi n - BT sáng t o trong m i d ng BT này h u nh ít c bàn t i.

*Th ba:* GDH là môn h c bao g m nh ng v n chung v lí lu n d y h c và giáo d c, SV ch a c ti p c n môn h c này ph thông. Do v y, n u d y h c không g n lí lu n v i th c t i n, h c v i hành s làm cho môn h c tr nên khô khan, SV không có h ng thú h c t p, h n ch kh n ng sáng t o c a sinh viên.

## **1.2. M t s khái ni m c b n**

### **1.2.1. Thi t k**

*Thi t k là quá trình l p d án, k ho ch cho m t ho t ng c th nào ó, trong ó th hi n s sáng t o c a ng i nghiên c u, nh m t c m c ích ra.*

B n thi t k c n bao quát nh ng y u t c b n và xác l p c nh ng liên h c n thi t, h p lí gi a nh ng y u t này. T t c nh ng y u t và liên h t o nên m t qui trình t ng i rõ ràng v logic và n i dung.

### **1.2.2. Bài t p**

*Bài t p là m t d ng nhi m v h c t p do giáo viên t ra cho HS, trên c s nh ng thông tin ã bi t h c sinh ph i t duy, tìm ra cách gi i quy t nh m l nh h i n i dung h c t p, rèn luy n k n ng, t c m c tiêu bài h c, môn h c ra.*

### **1.2.3. H th ng bài t p**

*H th ng BT là t p h p các BT theo m t tr t t nh t nh, trong ó gi a các BT có m i liên h v i nhau nh m th c hi n m c tiêu c a gi h c, bài h c, môn h c.*

M t bài h c có th th c hi n qua m t gi h c ho c nhi u gi h c. M i m t gi h c bao g m nhi u khâu nh : m u, gi ng bài m i, c ng c , r a bài v nhà..., gi a các khâu có m i liên h v i nhau và cùng h ng t i th c hi n m c tiêu c a bài h c. Trong d y h c, GV có th s d ng BT trong t t c các khâu c a m t gi h c.

### **1.2.4. Thi t k h th ng bài t p.**

*Thi t k HTBT là quá trình nghiên c u thu th p thông tin, biên t p và thi t k các BT m b o theo m t qui trình ch t ch , phù h p v i logic c a n i dung môn h c, bài h c nh m th c hi n các nhi m v d y h c.*

D a vào khái ni m trên cho th y thi t k h th ng BT có nh ng c tr ng sau:

- Thi t k HTBT là m t ho t ng trí tu , t duy sáng t o c a ng i nghiên c u, trong ó các thao tác trí tu phân tích, t ng h p, khái quát hoá... c v n d ng th ng xuyên nh m phân tích các thông tin thu th p c, biên t p ho c thi t k các BT theo m t m c tiêu xác nh.

- Thi t k HTBT c n tuân theo nh ng nguyên t c nh t nh, m b o các yêu c u và th c hi n theo m t qui trình ch t ch .

- Thi t k HTBT ph i ph n ánh c tr ng c a môn h c và a d ng, nh m hình thành các k n ng ngh nghi p cho SV trên c s v n d ng tri th c lý thuy t vào các tình hu ng khác nhau c a th c t i n.

### 1.2.5. Bài tập Giáo dục học

BT Giáo dục học là một dạng nhiệm vụ học tập, trong đó bao gồm những BT lý thuyết và BT thực hành nhằm hướng SV làm chủ tri thức, biến đổi thái độ, suy nghĩ, rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, góp phần thể hiện mục tiêu giáo dục hiện đại.

Các nhiệm vụ BT Giáo dục học:

- BT GDH nhằm tổ chức cho SV nắm vững các vấn đề lý luận về dạy học và giáo dục trên phương pháp thông, rèn luyện các kỹ năng nghề

- BT GDH thể hiện trên SV, vì vậy nó mang tính chất nghiên cứu, hướng SV có ý thức quan sát, phân tích những hiện tượng GD trong cuộc sống hàng ngày để đi sâu vào nhà Giáo dục học, hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho SV.

- BT GDH nhằm góp phần vào việc hình thành phát triển nhân cách của người giáo viên tương lai thông qua việc rèn luyện NVSP thông qua xuyên suốt trong các hình thức NVSP.

- BT GDH vừa phản ánh những vấn đề giáo dục phổ thông, vừa mang bản chất của giáo dục hiện đại, là quá trình nhận thức và thực hành của SV do giảng viên tổ chức, điều khiển và hướng dẫn theo một chương trình, mục tiêu xác định, qua đó SV nắm vững những kiến thức khoa học và nghiệp vụ, hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp.

### 1.3. Những vấn đề bản văn bài tập

#### 1.3.1. Vai trò của bài tập trong quá trình dạy học

- Bài tập giúp HS nắm vững kiến thức học
- Bài tập là một phương tiện giáo dục tốt
- Bài tập có khả năng phát triển trí tuệ, tình cảm của học sinh

#### 1.3.2. Phân loại hình thức bài tập

##### 1.3.2.1. Phân loại theo nội dung

##### 1.3.2.2. Phân loại theo khó

##### 1.3.2.3. Phân loại bài tập theo tính chất

##### 1.3.2.4. Phân loại bài tập dựa theo các khâu của QTDH

##### 1.3.2.5. Phân loại BT dựa vào các hình thức học tập của học sinh

Dựa vào các hình thức của HS, BT được chia thành 2 loại BT: BT tái hiện và BT sáng tạo. Theo quan niệm của tác giả Thái Duy Tuyên [70, tr 233]:

- **BT tái hiện:** Là dạng BT đòi hỏi HS nhắc lại, tái hiện lại kiến thức, kỹ năng đã học. Mục đích cao hơn, BT tái hiện đòi hỏi HS phải nhận biết các kiến thức cơ bản đã học thay vì ít nhiều so với dạng đã học, biết diễn đạt những hiểu biết bằng ngôn ngữ riêng, ngôn ngữ của mình, chỉ tiết kiệm..

- **BT sáng tạo:** Là dạng BT đòi hỏi HS áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã học GQV trong những tình huống mới, những vấn đề có tính thực tiễn.

Mục đích cao hơn, BT sáng tạo đòi hỏi GQV theo một hướng mới, một kỹ thuật mới, một phương pháp mới. Cái mới này có thể là cái mới về cá nhân và xã hội.

Vì quan tâm thực tiễn, kết quả có chính lý và đưa vào mục đích, yêu cầu sử dụng các dạng BT trong dạy học môn GDH, chúng tôi đưa ra những dạng BT sau:

- **Bài tập lý thuyết:** Bao gồm những BT mà trên cơ sở tái hiện những kiến thức lý thuyết đã học, người học phân tích, làm sáng tỏ những khái niệm, những luận điểm khoa học và giáo dục.

BT lý thuyết có thể bao gồm các cấp sau:

+ **Mức 1:** Tái hiện lại những kiến thức lý thuyết đã học một cách thuần thục. Loại BT này thường bắt đầu bằng những cảm nhận “trình bày”, “Phân tích”...

+ **Mức 2:** Vận dụng những tri thức đã học vào những BT có chứa những mâu thuẫn nhằm mục đích giải quyết.

+ **Mức 3:** Vận dụng những tri thức đã học vào những BT trong đó chứa những mâu thuẫn phức tạp, qua phân tích, đánh giá, tìm tòi những con đường mới, cách thức mới giải quyết vấn đề và hiệu quả cao.

- **Bài tập thực hành:** Đây là loại BT nhằm vận dụng lí luận giải quyết các vấn đề thực tiễn và sản phẩm ra trong thực tiễn GD, là những BT rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Bao gồm:

+ **BT thực hành có tính chất lý thuyết:** Mục đích sử dụng BT này nhằm giúp người học củng cố những tri thức lý thuyết đã học, đồng thời nó là một phương tiện bồi dưỡng cho người học phương pháp tự duy, suy luận.

+ **BT thực tiễn rút ra các kết luận sơ phạm:** Đây là loại BT đòi hỏi rút ra những lời khuyên về GD. Từ các hiện tượng GD đưa ra những dấu hiệu, những cách tác động sơ phạm, những biện pháp giáo dục [3], [7].

+ **BT thực hành giải quyết các tình huống giáo dục**

Đây là loại BT nhằm vận dụng tri thức lý thuyết giải quyết những tình huống diễn ra trong thực tiễn GD, giúp SV rèn luyện các kỹ năng GD.

+ **BT thực hành rèn luyện các kỹ năng**

thực tiễn mà những BT có chất lượng, trình độ GV cần xác định những kỹ năng SV cần rèn luyện và mục tiêu SV đạt được trong mỗi kỹ năng.

#### 1.4 Mục tiêu và lí luận về dạy học thực tiễn.

### 1.5. Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ

#### 1.5.1. Khái niệm

Học chế tín chỉ (HCTC) là phương thức đào tạo linh hoạt và mềm dẻo, trong đó sinh viên có thể đăng ký học và đăng ký học tập, tích lũy tín chỉ theo kiến thức theo tiến độ phù hợp với năng lực và điều kiện cá nhân thân và nhà trường nhằm hoàn tất chương trình đào tạo các cấp bậc đại học [65].

#### 1.5.2. Các đặc điểm của học chế tín chỉ

#### 1.5.3. Ưu, nhược điểm của HCTC

#### 1.5.4. Phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ (HTTC)

**Kết luận:** Đào tạo theo HTTC là phương thức đào tạo tiên tiến và là xu hướng tất yếu của giáo dục thực tiễn, bởi các triết lý của phương thức đào tạo này

là: Tôn trọng người học, xem người học là trung tâm của quá trình đào tạo; Chương trình đào tạo mở rộng trọng tâm đào tạo đáp ứng các nhu cầu luôn biến đổi của thị trường nhân lực. Do vậy, thực hiện chương trình đào tạo theo HTTC cũng là một tất yếu, phù hợp với xu thế chung của sự phát triển GD ở Việt Nam và thế giới.

## **1.6. Nhiệm vụ trọng tâm của học phần Giáo dục học trong HSP**

### **Kết luận chính**

1. Việc thiết kế và soạn giảng BT trong quá trình dạy học là nhiệm vụ quan trọng của người giáo viên và những nhà nghiên cứu nhằm tổ chức, hướng dẫn cho HS vận dụng những hiểu biết tri thức của môn học, các thao tác trí tuệ thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm mà HS nắm vững những thực tiễn, các nguyên lý, hay sự vận dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng cho HS niềm say mê, tính sáng tạo trong học tập.

2. Trên cơ sở kết quả các quan niệm có chính sách, cần vào mục đích, yêu cầu soạn giảng các dạng BT trong dạy học môn GDH chúng tôi đã đưa ra 2 loại BT cơ bản là: BT lý thuyết và BT thực hành. Trong mỗi loại BT này bao gồm các BT tái hiện và BT sáng tạo.

3. Chúng tôi đã đi sâu phân tích và so sánh chương trình chi tiết học phần GDH (4 TC) của 2 trường học: HSP Hà Nội và trường ĐH Thanh Hoá. Kết quả thu được cho thấy: Nội dung môn GDH hai trường là giống nhau, tuy nhiên việc xây dựng cấu trúc chương trình, thời gian giảng dạy học phần GDH 2 trường khác nhau, trong đó trường HSP Hà Nội xây dựng nội dung lý thuyết nhiều hơn so với trường ĐHTH Thanh Hoá. Trường ĐHTH Thanh Hoá thì số giờ học lý thuyết.

4. Đào tạo người học theo hình thức tín chỉ là phương thức đào tạo mới, đem lại nhiều lợi ích cho sinh viên. Tuy nhiên việc áp dụng phương pháp dạy học GV người học chủ yếu dựa trên sự tương tác giữa người học và người dạy. Việc áp dụng phương pháp dạy học theo hình thức tín chỉ cho SV về phương pháp: học - hiểu - vận dụng, lý luận làm việc, lý thuyết hành làm việc phát triển.

5. Giáo dục học là môn nghiên cứu về vai trò và tính lý luận, vai trò và tính ứng dụng cao. Vì vậy, soạn giảng BT GDH trong dạy học nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên thông tin này.

## **Chương 2**

### **CƠ SỞ THỰC TIỄN A THIẾT KẾ VÀ SOẠN GIẢNG BÀI TẬP TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC TRONG GDH**

#### **2.1. Mục đích, nội dung và phương pháp nghiên cứu**

##### **2.1.1. Mục đích nghiên cứu**

Đánh giá thực trạng việc soạn giảng bài tập GDH tại các trường học hiện nay.



nay, xác định những khó khăn về GV và SV trong quá trình thực hiện, đánh giá tính khả thi của qui trình thi t k và số lượng BT trong DH tại các trường sinh phẩm.

### 2.1.2. Nội dung điều tra

- Nhận thức của GV, SV về ý nghĩa của việc số lượng BT trong DH
- Nhận thức của GV, SV về yêu cầu, nguyên tắc, qui trình thi t k và số lượng hình thức BT trong dạy học.
- Thực trạng số lượng bài tập trong dạy học Giáo dục học. Nguyên nhân của thực trạng.

2.1.3. *Đối tượng điều tra*: 551 SV năm thứ 2 khóa sinh phẩm và 62 GV thuộc các trường sinh phẩm.

### 2.1.4. Phương pháp điều tra

## 2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

### 2.2.1. Nhận thức của giảng viên và sinh viên về số lượng bài tập, ý nghĩa của việc số lượng bài tập trong dạy học môn GDH

**Bảng 2.1.** Nhận thức của GV và SV về số lượng bài tập và ý nghĩa của việc số lượng bài tập trong dạy học môn Giáo dục học

Điều tra	Mức số lượng BT	Bậc		Trung		Nam		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
GV	Rất cần thiết	5	27.77	6	26.09	5	23.81	16	25.81
	Cần thiết	11	61.11	15	65.21	15	71.42	41	66.13
	Có cần thiết, không cần thiết	2	11.11	2	8.69	1	4.76	5	8.06
	Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>100</b>	<b>23</b>	<b>100</b>	<b>21</b>	<b>100</b>	<b>62</b>	<b>100</b>
SV	Rất cần thiết	78	40.62	94	46.31	55	35.26	227	41.20
	Cần thiết	98	51.04	91	44.83	89	57.05	278	50.45
	Có cần thiết, không cần thiết	12	6.25	13	6.40	7	4.49	32	5.81
	Không cần thiết	4	2.08	5	2.46	5	3.21	14	2.54
	<b>Tổng</b>	<b>192</b>	<b>100</b>	<b>203</b>	<b>100</b>	<b>156</b>	<b>100</b>	<b>551</b>	<b>100</b>

Đánh giá chung: Kết quả bảng 2.1 cho thấy rằng GV và SV có sự nhận thức cao khi đánh giá số lượng bài tập và ý nghĩa của việc số lượng bài tập trong dạy học, tuy nhiên GV có xu hướng đánh giá số lượng bài tập có tính tập trung hơn so với SV.

Vì vậy, để cải thiện chất lượng giảng dạy, trong đó tập trung vào các ý nghĩa sau: *chức năng của môn học, Bí quyết giảng dạy thú vị cho môn học, Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GDH, Rèn luyện năng lực sáng tạo và khả năng làm việc cá nhân; Rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống trong dạy học và giáo dục.*

### 2.2.2. Nhiệm vụ của GV và yêu cầu, qui trình thi t k và s d ng bài t p ánh giá chung:

T k t qu b ng 2.3, 2.5, 2.7 cho th y GV ánh giá t t c các yêu c u u c n thi t khi thi t k : m t BT, h th ng bài t p (HTBT) cho m t bài h c, thi t k HTBT cho m t giáo trình, trong ó vi c thi t k m t BT t p trung nh ng yêu c u: *BT m b o tính v n* ; *BT ph i có tính th c ti n, g n li n v i c thù c a môn h c*; *BT ph i ph n ánh m t n i dung c th trong ch ng trình môn h c*; *BT ph i t o cho SV có h ng thú và hình thành nhu c u gi i quy t v n* . Thi t k h th ng BT cho m t bài h c t p trung các yêu c u sau: *HTBT ph i ph n ánh m c tiêu c a bài h c*, *HTBT m b o tính logic gi a các n i dung c a bài h c*, *HTBT ph i t o cho SV có h ng thú và hình thành nhu c u gi i quy t v n* ; *S l ng HTBT cho m i gi lên l p không nên quá nhi u, c n m b o tính logic c a bài h c, s cân i gi a các ph n....*, khi thi t k HTBT cho m t giáo trình, các yêu c u sau c ánh giá cao h n c : *HTBT có tính th c ti n, g n li n v i c thù c a môn h c*, *HTBT ph n ánh m c tiêu c a giáo trình*, *HTBT m b o phù h p v i n i dung và th i gian dành cho m i ch ng*, *HT BT c n m b o tính chính xác tri th c, tính, khoa h c, tính v n* .

T k t qu b ng 2.4, 2.6, 2.8 chúng tôi nh n th y GV c a 3 mi n u th ng nh t cao qui trình thi t k m t BT, qui trình thi t k h th ng BT cho m t bài h c, qui trình thi t k h th ng BT cho m t giáo trình, gi a các b c trên có m i liên h logic v i nhau.

Tìm hi u nh n th c c a GV v qui trình s d ng BT trong các gi h c, chúng tôi thu c k t qu nh sau:

#### **B ng 2.9. Nhiệm vụ của GV và qui trình s d ng BT trong các gi h c**

Các gi h c	Qui trình s d ng bài t p	B c		Trung		Nam		Trung bình	
		$\bar{X}$	<i>TB</i>	$\bar{X}$	<i>TB</i>	$\bar{X}$	<i>TB</i>	$\bar{X}$	<i>TB</i>
Lý Thuy t	Xác nh m c tiêu c a gi h c	1.11	<i>1</i>	1.94	<i>1</i>	1.00	<i>1</i>	1.58	<i>1</i>
	Phân tích ND c a bài h c và xác nh ND tr ng tâm c a m i gi h c.	1.89	<i>2</i>	2.56	<i>2</i>	2.00	<i>2</i>	2.29	<i>2</i>
	L a ch n BT phù h p v i t ng ND	3.67	<i>3</i>	3.33	<i>3</i>	3.25	<i>3</i>	3.52	<i>3</i>
	L p k ho ch đa h c	4.11	<i>4</i>	3.78	<i>4</i>	4.25	<i>4</i>	4.16	<i>4</i>
	D n d t SV l nh h i n i dung bài h c qua gi i BT	4.78	<i>5</i>	5.11	<i>5</i>	5.00	<i>5</i>	4.96	<i>5</i>
	GV ki m tra k t qu gi i BT c a SV.	5.62	<i>6</i>	5.56	<i>6</i>	5.50	<i>6</i>	5.56	<i>6</i>
	GV nh n xét k t qu th c hi n các BT c a SV, tri n	6.67	<i>7</i>	6.39	<i>7</i>	7.00	<i>7</i>	6.55	<i>7</i>

	khair n i dung h c t p ti p theo.								
<b>Th o lu n</b>	Xác nh m c tiêu SV c n t.	1.00	<b>1</b>	1.22	<b>1</b>	1.00	<b>1</b>	1.13	<b>1</b>
	L a ch n BT/Ch TL.	2.22	<b>2</b>	1.94	<b>2</b>	2.00	<b>2</b>	2.03	<b>2</b>
	Giao nhi m v TL cho m i nhóm.	2.78	<b>3</b>	3.00	<b>3</b>	3.00	<b>3</b>	2.93	<b>3</b>
	L p k ho ch th o lu n	4.00	<b>4</b>	4.06	<b>4</b>	4.00	<b>4</b>	4.03	<b>4</b>
	Ti n hành th o lu n	5.00	<b>5</b>	5.06	<b>5</b>	5.00	<b>5</b>	5.03	<b>5</b>
	GV ánh giá k t qu làm bài c a t ng nhóm, chuy n sang nhi m v TL khác	6.00	<b>6</b>	5.71	<b>6</b>	6.00	<b>6</b>	5.83	<b>6</b>
<b>T h c</b>	Xác nh m c tiêu, n i dung t h c	1.22	<b>1</b>	1.11	<b>1</b>	1.00	<b>1</b>	1.13	<b>1</b>
	L a ch n BT/Ch t h c	2.22	<b>2</b>	2.11	<b>2</b>	2.25	<b>2</b>	2.16	<b>2</b>
	Xác nh th i gian hoàn thành k t qu t h c.	2.89	<b>3</b>	3.11	<b>3</b>	3.00	<b>3</b>	3.03	<b>3</b>
	Giao nhi m v t h c cho nhóm, CN.	3.78	<b>4</b>	4.00	<b>4</b>	3.75	<b>4</b>	3.90	<b>4</b>
	SV th c hi n các nhi m v t h c	4.89	<b>5</b>	4.78	<b>5</b>	5.00	<b>5</b>	4.84	<b>5</b>
	GV ánh giá k t qu t h c c a SV	6.00	<b>6</b>	5.89	<b>6</b>	6.00	<b>6</b>	5.94	<b>6</b>

*ánh giá chung:* Nh n th c c a GV v qui trình s d ng BT trong các gi h c cho th y GV c a c 3 mi n u th ng nh t cao v qui trình s d ng BT trong các gi h c (Lý thuy t, th o lu n, t h c).

### 2.2.3. Th c tr ng s d ng bài t p trong d y h c h c ph n Giáo d c h c

Tìm hi u m c s d ng BT trong d y h c môn GDH, chúng tôi ã s d ng câu h i s 3,4, 5, 6 (Ph l c 1), câu h i s 9, 13, 14, 15 (Ph l c 2). Sau khi x lý s li u i u tra, k t qu thu c nh sau:

**B ng 2.10. ánh giá c a GV và SV v m c s d ng BT trong d y h c môn GDH**

<b>T i u tra</b>	<b>Các lo i BT</b>	<b>B c</b>		<b>Trung</b>		<b>Nam</b>		<b>Trung bình</b>	
		$\bar{X}$	<b>TB</b>	$\bar{X}$	<b>TB</b>	$\bar{X}$	<b>TB</b>	$\bar{X}$	<b>TB</b>
<b>GV</b>	BT lý thuy t	3.30	<b>1</b>	3.17	<b>1</b>	3.00	<b>1</b>	3.16	<b>1</b>
	BT TH có tính ch t lý thuy t	3.54	<b>3</b>	3.40	<b>3</b>	3.25	<b>2</b>	3.42	<b>3</b>
	BT t th c ti n rút ra các k t lu n s ph m.	3.50	<b>2</b>	3.22	<b>2</b>	3.50	<b>3</b>	3.40	<b>2</b>

	BT thực hành ghi ý quy t các tình huống GD.	3.75	5	3.61	5	3.75	5	3.70	5
	BT thực hành rèn luyện các kĩ năng	3.60	4	3.56	4	3.50	3	3.55	4
SV	BT lý thuyết	3.34	2	3.15	1	3.25	2	3.24	1
	BTTH có tính chất lý thuyết	3.37	3	3.31	3	3.29	5	3.33	4
	BT thực tiễn rút ra các kết luận sinh phẩm.	3.40	4	3.21	2	3.22	1	3.28	2
	BTTH ghi ý quy t các tình huống GD.	3.43	5	3.33	4	3.25	2	3.34	5
	BTTH rèn luyện các kĩ năng	3.32	1	3.35	5	3.28	4	3.32	3

### ánh giá chung:

- GV và SV có số thành tích cao khi đánh giá 3 loại BT (BT thực hành ghi ý quy t các tình huống, BT thực hành có tính chất lý thuyết, BT thực hành rèn luyện các kĩ năng DH và GD) của số đồng nghiệp học trong dự học. Tuy nhiên kết quả đánh giá của GV có số trung bình cao hơn và phù hợp với thực tiễn hơn so với SV.

- Mặc dù SV nhận thức được tầm quan trọng của ghi ý BT những sinh viên trong học tập, rèn luyện tay nghề của SV chưa tốt. SV ghi ý BT GDH khi: GV yêu cầu; Khi chú ý và kiểm tra; Khi chú ý thực hành, KTSP, TTSP từ các trang thông tin; Khi tham gia hội thi rèn luyện nghiệp vụ sinh phẩm.

- Trong kết quả khảo sát của SV trong quá trình ghi ý các BT GDH, chúng tôi nhận thấy có 2 nhóm nguyên nhân cơ bản: nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan, song tập trung nhiều nguyên nhân chủ quan.

### Kết luận chương 2

1. Đa số GV và SV có số thành tích cao khi đánh giá số cần thiết của việc số đồng nghiệp BT trong DH, trong đó GV có xu hướng đánh giá số cần thiết có tính trung bình hơn so với SV.

2. Đánh giá về ý nghĩa của việc ghi ý BT Giáo dục học, học tập GV và SV cho rằng: Ghi ý BT GDH mang lại nhiều ý nghĩa, trong đó đánh giá của giảng viên trung bình, không có số chênh lệch nhiều trong ý kiến trung bình so với SV.

3. Về mặt các BT, GV số đồng nghiệp nguồn thông tin, trong đó tập trung chủ yếu các nguồn thông tin: *Giáo trình môn học, tài liệu xây dựng BT, thông qua tài liệu kinh nghiệm GD của các GVCN các trang thông tin.*

Đối với SV, ghi ý các BT GDH, SV đã tiến hành nghiên cứu: *giáo trình môn học, thảo luận nhóm, tìm kiếm thông tin trên mạng và tài liệu quy định*. Tuy nhiên, số sinh viên trong học tập, rèn luyện tay nghề của SV chưa tốt, công tác rèn luyện các KN nghề nghiệp của sinh viên chưa thực hiện tốt xuyên.

4. Nguyên nhân của thực trạng trên bao gồm nguyên nhân chủ quan và khách quan có nhiều nguyên nhân kết quả học tập môn GDH, trong đó nhận

nguyên nhân: *Hi u bi t th c ti n c a SV còn h n ch , b n thân SV còn l i h c, ch a coi tr ng môn h c, SV ch a bi t cách h c và gi i quy t v n có hi u qu* là nh ng nguyên nhân ch quan có nh h ngl n n k t qu h c t p môn GDH. Ngoài ra, m t s nguyên nhân khách quan nh : *Môn h c khó, tr u t ng, khô khan; Giáo trình, tài li u tham kh o ít c ng có nh h ng n h ng thú h c t p môn GDH c a SV.*

5. Vi c áp d ng ph ng th c ào t o m i trong các tr ng i h c th c s là m t thách th c i v i GV và SV trong nhà tr ng, m c dù các l p theo niên khoá, nh ng SV liên k t l ng l o v i nhau thông qua vi c h c chung gi a các l p m t s h c ph n, ây c ng là nh ng khó kh n i v i GV trong vi c t ch c qu n lý l p h c.

6. Góp ph n nâng cao ch t l ng DH nói chung, môn GDH nói riêng, chúng tôi ã xây d ng c s lí lu n v nh ng yêu c u, nguyên t c, qui trình thi t k m t BT, h th ng BT cho m t bài h c, h th ng BT cho m t giáo trình. Ki m ch ng giá tr khoa h c c a c s lí lu n này, k t qu cho th y, h u h t GV u ánh giá cao t m quan tr ng c a vi c thi t k và s d ng BT trong DH, các yêu c u, nguyên t c và qui trình thi t k và s d ng BT u phù h p v i th c ti n và có tính kh thi.

### *Ch ng 3*

## **THI T K VÀ S D NG H TH NG BÀI T P GIÁO D CH C TR NG I H C**

### **3.1. Thi t k h th ng bài t p**

#### **3.1.1. Nguyên t c chung khi thi t k h th ng bài t p**

- HTBT ph n ánh n i dung c b n c a m i bài h c, góp ph n th c hi n m c tiêu bài h c, môn h c.
- HTBT ph i có tính v n , kích thích HS gi i quy t các nhi m v h c t p v i nh ng đ ki n c di n t rõ ràng.
- HTBT ph i có tính i n hình, có tính khái quát cao và phát huy c tính tích c c nh n th c c a ng i h c.
- HTBT ph i xu t phát t th c ti n và có ý ngh a giáo d c.
- HTBT ph i phù h p v i c tr ng c a m i gi h c
- HTBT m b o tính v a s c
- HTBT m b o cho SV có tri th c hay ngu n tài li u nghiên c u.

#### **3.1.2. Yêu c u thi t k h th ng bài t p**

##### **3.1.2.1. Yêu c u thi t k m t bài t p**

- BT ph n ánh m t n i dung c th c a bài h c:
- BT m b o tính chính xác, tính khoa h c trong n i dung
- BT ch a ng m t mâu thu n.
- BT c n phù h p v i c tr ng c a môn h c.

### 3.1.2.2. Yêu cầu thi t k h th ng bài t p cho m t bài h c

- H th ng BT ph n ánh m i liên h gi a các n i dung c a bài h c.
- H th ng BT c n t ng c ng kh n ng t duy tích c c, sáng t o ng i h c và phù h p v i ph ng pháp d y h c c a GV.
- H th ng BT c n a d ng
- H th ng BT trong m i bài h c không nên quá nhi u, c n có tr ng tâm, phù h p v i logic c a bài h c.

### 3.1.2.3. Yêu cầu thi t k h th ng bài t p cho m t giáo trình

- H th ng BT ph n ánh m c tiêu c a giáo trình
- H th ng BT m b o tính h th ng
- H th ng BT m b o m c khó t ng d n, ngoài nh ng BT c b n c n có nh ng BT t ng h p c tích h p t nhi u n i dung c a bài h c ho c t nhi u bài h c, ch ng h c.

## 3.1.3. Quy trình thi t k h th ng bài t p

### 3.1.3.1. Quy trình thi t k m t bài t p

**B c 1:** Phân tích c u trúc tài li u h c t p, xác nh m c tiêu, n i dung tr ng tâm c a bài h c.

xây d ng m t BT, tr c h t c n nghiên c u m c tiêu và nh ng n i dung tr ng tâm c a m i bài h c, trong ó xác nh c th n i dung nào c n s d ng BT. S d ng BT không ch c th c hi n trên l p, mà còn giao v nhà cho SV luy n t p.

**B c 2:** Nghiên c u m c tiêu, n i dung t ng ph n c a bài h c

M i bài h c bao g m nhi u n i dung, GV có th th c hi n trong m t gi h c ho c nhi u gi h c, do v y GV c n đ ki n s d ng d ng BT nào là phù h p.

**B c 3:** Nghiên c u c i m nh n th c c a ng i h c.

Trong d y h c, m c ti p thu tri th c gi a các HS là khác nhau, do v y thi t k BT ngoài m b o nh ng yêu c u chung, c n tính n kh n ng c a t ng cá nhân a ra nh ng yêu c u riêng, phù h p v i n ng l c c a ng i h c. Vì v y, thi t k nh ng BT c b n, c n có nh ng BT nâng cao nh m ki m tra và phân lo i c trình c a ng i h c.

**B c 4:** Thi t k bài t p

Th c hi n b c 4, tr c h t ng i nghiên c u c n thu th p thông tin qua tham kh o các ngu n tài li u trên c s ó tìm tòi nh ng y u t , nh ng m i liên h c b n gi a các n i dung biên so n nh ng BT có giá tr th c ti n cao.

**B c 5:** Đ ki n áp án cho m i bài t p

BT c n có áp án chi ti t kèm theo, vì c thi t k áp án giúp GV có th tham kh o trong d y h c, HS có th tham kh o trong h c t p.

### 3.1.3.2. Quy trình thi t k h th ng bài t p cho m t bài h c

**B c 1:** Xác nh m c tiêu bài h c (BH):

M t bài h c có th th c hi n trong m t gi h c ho c m t s gi h c, th c hi n thành công m i gi h c chính là góp ph n th c hi n t t m c tiêu c a bài h c. Do v y, ng i nghiên c u c n đ ki n s l ng BT c n s d ng m b o

tác m c tiêu c a bài h c.

B c 2: Phân tích n i dung bài h c:

Phân tích n i dung m i bài h c c th hi n qua vi c xác nh n i dung c b n, n i dung tr ng tâm, t ó làm b c l c u trúc bên trong c a bài h c.

B c 3: Xác nh s l ng bài t p trong t ng n i dung c a bài h c:

S l ng BT trong m i bài h c nhi u hay ít ph thu c n i dung, th i gian dành cho m i bài h c, c i m nh n th c c a ng i h c và cách th c t ch c gi d y c a GV, ph thu c vào nh ng khó kh n c a GV và HS trong t ch c gi h c. Do v y, GV c n ho ch nh BT nào th c hi n trên l p, BT nào th c hi n nhà, nh m m b o phù h p v i th i gian, i u ki n h c t p c a HS.

B c 4: Thi t k h th ng bài t p:

có c m t h th ng BT hay GV c n ph i tham kh o nhi u ngu n tài li u k t h p v i t ng k t kinh nghi m ngh nghi p. M t BT hay là ch a ng m t v n không quá ph c t p nh ng c ng không quá n gi n, trong ó phân lo i c trình c a ng i h c.

Thi t k BT c n d ki n áp án kèm theo, áp án c n rõ ràng, chính xác và ch c phép a ra m t áp án úng, duy nh t.

B c 5: S p x p các BT theo m t tr t t phù h p v i logic c a t i n trình bài h c:

C n c vào trình t logic c a bài h c, BT c n c s p x p theo m t tr t t logic ch t ch , nh m kích thích tính tích c c h c t p c a ng i h c, ng th i GV có th ki m tra, ánh giá, phân lo i m c l nh h i tri th c, rèn luy n k n ng môn h c c a ng i h c.

3.1.3.3. *Qui trình thi t k h th ng bài t p cho m t giáo trình.*

B c 1: Xác nh m c tiêu SV c n t sau khi k t thúc môn h c:

Xác nh m c tiêu c a môn h c, m i liên h gi a các ch ng h c là c s ho ch nh s l ng BT và các d ng BT phù h p v i c tr ng c a t ng ch ng h c.

B c 2: Nghiên c u n i dung giáo trình:

Nghiên c u n i dung giáo trình cho phép GV n m c ki n th c c b n, tr ng tâm, th i l ng h c t p c a m i ch ng, trên c s ó l a ch n cách th c t ch c ho t ng d y c a GV và ho t ng h c c a HS.

B c 3: Xác nh các d ng BT và s l ng BT t ng ng v i t ng ch ng h c:

N i dung và th i l ng h c t p m i ch ng là c s quan tr ng GV xây d ng BT. Tuy nhiên, HTBT c n m b o cân i gi a BT lý thuy t và BT th c hành, trong ó c n chú tr ng xây d ng h th ng BT th c hành.

B c 4: Thi t k h th ng bài t p:

thi t k h th ng BT, ng i nghiên c u c n d a vào nhi u ngu n tri th c: giáo trình, tài li u tham kh o môn h c ó, k t qu nghiên c u c a nh ng công trình khoa h c ã c công b , h i th o khoa h c các c p...Ngoài ra, h th ng BT c n có áp án kèm theo.

**3.2. S d ng h th ng bài t p trong d y h c**

**3.2.1. Nguyên t c chung khi s d ng h th ng bài t p trong d y h c**

- S d ng h th ng BT m b o th c hi n m c tiêu môn h c, bài h c.
- S d ng h th ng BT c n phù h p v i c tr ng c a m i gi h c
- S d ng h th ng BT ph i ph n ánh m i quan h qua l i gi a ng i d y và ng i h c, gi a ng i h c v i nhau.
- S d ng h th ng BT trong d y h c g n li n v i i m i ph ng pháp d y h c, ph ng pháp ki m tra, ánh giá k t qu c a bài h c, môn h c.

### **3.2.2. Yêu c u khi s d ng h th ng bài t p trong d y h c**

#### **3.2.2.1. Gi lý thuy t**

- S d ng h th ng BT phù h p v i cách th c t ch c gi h c c a GV
- S d ng h th ng BT c n nh h ng vào s ông HS
- S d ng h th ng BT m b o phù h p v i n g l c nh n th c c a ng i h c
- S d ng h th ng BT ph i phù h p v i th i gian và m c tiêu c a m i gi h c

#### **3.2.2.2. Gi th o lu n, xeminar**

- Ch th o lu n ph i là nh ng v n c b n, tr ng tâm trong ch ng trình môn h c, nh m góp ph n th c hi n m c tiêu môn h c.
- N i dung th o lu n ph i có tính khái quát, g n v i th c t i n, kích thích SV có h ng thú và ph i h p cùng nhau th o lu n, tìm ki m thông tin, vi t báo cáo.

#### **3.2.2.3. Gi t h c**

- HTBT c n a d ng, phù h p v i m c tiêu môn h c, phù h p c i m i t ng SV, g n v i ngành ngh ào t o c a SV, phù h p v i qu th i gian t h c c a SV, ph n ánh k t qu rèn luy n m t s k n ng h c t p.

### **3.2.3. Qui trình s d ng bài t p**

#### **3.2.3.1. Gi h c lý thuy t**

\* Giai o n 1: L a ch n các BT t o thành m t h th ng bài t p. .

B c 1: *Nghiên c u m c tiêu c a gi h c lý thuy t*

s d ng HTBT có hi u qu , tr c h t GV c n xác nh m c tiêu SV c n t trong m i gi h c. M t bài h c có th th c hi n qua nhi u gi h c, trong ó có c gi lý thuy t, th o lu n và t h c c a SV. Do v y, vi c th c hi n m c tiêu c a m i gi h c chính là góp ph n th c hi n m c tiêu c a t ng ph n trong bài h c.

B c 2: *Phân tích n i dung gi h c, xác nh n i dung c b n, tr ng tâm c a gi h c ó.*

Trên c s nghiên c u m c tiêu SV c n t trong m i gi h c, GV t i n hành phân tích n i dung c a gi h c, xác nh nh ng n i dung c b n, tr ng tâm trong t ng gi h c.

C n c vào ch ng trình gi ng d y môn h c, GV thi t k n i dung trong m i gi h c thành nh ng n v ki n th c d i d ng t i u module. M t gi h c có th g m m t ho c nhi u t i u module, vi c th c hi n m c tiêu trong t ng module chính là góp ph n th c hi n m c tiêu c a gi h c.

B c 3: *L a ch n lo i BT s d ng phù h p v i t i n trình gi h c:*

C n c vào n i dung c a t ng gi h c, trình nh n th c c a SV, th i gian th c hi n m i module, GV l a ch n nh ng BT s d ng. nh h ng vi c



s d ng BT có thể thể hiện theo hai hình sau:

Thứ nhất cho SV làm hình trí tuệ, sau đó s d ng BT để trình bày.

S d ng BT lồng ghép trong quá trình làm bài, làm hình trí tuệ, trình bày tự nhiên cần cân nhắc số lượng BT s d ng để phù hợp với thời gian của giờ học.

Thời gian dành cho mỗi BT cần dự kiến khi soạn giáo án, giúp GV chủ động khi lên lớp, tránh hiện tượng bài giảng rơi vào tình trạng “u voi, uôi chu t”.

**Bài 4: Lựa chọn hình thức cho tiết học**

Đây là bước đòi hỏi GV hình dung tiến trình giờ học sẽ thể hiện như thế nào, s d ng BT sẽ thể hiện theo cách thế nào, vì chúng ta cần chú ý các yếu tố kiến thức dạy học như: Phòng học, phương tiện dạy học, không gian dạy học, giờ nghỉ ngơi của SV tham khảo.

\* Giai đoạn 2: S d ng bài tập trong tiến trình của giờ học.

Phương pháp chung trong giờ lý thuyết là giảng viên và việc thuyết trình của GV trong giờ học, do vậy nội dung trong giờ học lý thuyết cần thiết để đi đúng các tiêu module, từ đó nội dung của bài học, có những module GV trình bày trực tiếp, những nội dung module GV s d ng BT để SV tự nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu.

Kết quả giờ các BT phụ thuộc vào nhiệm vụ, trong đó yêu cầu quy định chính là số lượng của SV. Do vậy, yêu cầu quan trọng là GV cần tác động hình thành và phát triển SV năng lực và phương pháp học, tự rèn luyện.

\* Giai đoạn 3: Đánh giá kết quả thể hiện bài tập

Đây là khâu cuối cùng của quá trình dạy học nhằm giúp GV và SV thu thập thông tin để điều chỉnh hoạt động dạy học. Do vậy, sau mỗi câu trả lời của SV, GV cần có nhận xét, đánh giá kết quả thể hiện nhiệm vụ.

### 3.2.3.2. Giờ học theo luận/xêmina

\* Giai đoạn 1: Lựa chọn BT, chọn thảo luận. (TL)

**Bài 1: Nghiên cứu mục tiêu của giờ học theo luận/xêmina**

Mục tiêu của mỗi giờ thảo luận/xêmina cần xác định trên cơ sở: Mục tiêu của bài học/chương học, nội dung lý thuyết của các bài học trước đó.

Cần chú ý vào chương trình giảng dạy môn học, GV soạn giáo án và thiết kế các vấn đề TL thành những các tiêu module, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm, xác định mục tiêu mỗi nhóm SV cần đạt. Mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ của mỗi nhóm là cơ sở xác định mục tiêu của giờ thảo luận để đạt mục tiêu nào.

**Bài 2: Lựa chọn BT, các hình thức thảo luận**

Việc lựa chọn vấn đề thảo luận cần chú ý vào: Mục tiêu và nội dung bài học/chương học; Thời gian cho phép; Trình độ nhận thức của SV và khả năng của GV; Các yếu tố kiến thức và thiết kế thảo luận như: Không gian lớp học, số lượng SV tham gia thảo luận, nguồn tài liệu, các phương tiện dạy học khác...

**Bài 3: GV giao nhiệm vụ thảo luận cho từng nhóm, hướng dẫn các nhóm SV thể hiện các nhiệm vụ thảo luận, trao đổi các nguồn tài liệu tham khảo.**

- Số lượng SV trong mỗi nhóm là cố định GV giao nhiệm vụ
- GV ghi ý kiến của các nguồn tài liệu SV có thể tra cứu, thể hiện nhiệm vụ.
- GV cần hướng dẫn SV hướng thể hiện các BT.

**B c 4:** *Lập kế hoạch thảo luận*

Hội đồng của hội thảo luận phải thu thập vào nhiệm vụ: Đánh giá tiến trình thảo luận, sự chú ý của người đi đầu khi thảo luận, thời gian và không gian thảo luận, ý thức, thái độ của người học trong việc quy tắc các BT, chất lượng; Các yếu tố chi tiết của thảo luận, xây dựng các tiêu chí đánh giá bài thảo luận.

\* Giai đoạn 2: Tiến hành thảo luận

**B c 5:** *GV nhắc lại mục tiêu, yêu cầu của hội thảo luận, các BT, chất lượng của mỗi nhóm SV nhằm hình thành sự tập trung chú ý của SV vào hội thảo, hình thành tâm thế của SV sẵn sàng cho hội thảo.*

**B c 6:** *GV cần nhóm báo cáo kết quả bài thảo luận*

Sự thành công của hội thảo luận phải thu thập vào những lần các người đi đầu. Do vậy, cần vào các BT, chất lượng đã giao trách nhiệm, nhiệm vụ thể hiện của mỗi nhóm, qua thời gian cho phép, GV thông báo trình tự thảo luận, lựa chọn nhóm báo cáo cho từng module. Hình thức lựa chọn nhóm báo cáo như sau:

GV khuyến khích các nhóm đăng ký báo cáo, nếu SV không muốn đăng ký báo cáo kết quả bài thảo luận, GV có thể chọn một nhóm báo cáo, các nhóm khác tập trung lắng nghe, góp ý kiến. GV và các nhóm SV lắng nghe kết quả thể hiện của nhóm báo cáo.

**B c 7:** *Trao ý kiến của các nhóm về vấn đề thảo luận.*

Cần vào kết quả trình bày của nhóm báo cáo, các nhóm thảo luận có chung chất lượng rõ ràng hay không, đánh giá, bổ sung Nếu ý kiến của các nhóm không cùng quan điểm thì mỗi nhóm cần có những biện pháp bổ sung quan điểm của nhóm.

Trong trường hợp hội thảo luận chưa có sự thống nhất giữa các nhóm thì GV cần khuyến khích phân bổ tài liệu không rơi vào tình trạng lan man, không có kết quả.

\* Giai đoạn 3: Đánh giá kết quả thể hiện BT/ chất lượng của mỗi nhóm

GV nhận xét kết quả bài thảo luận của nhóm báo cáo, nhận xét thái độ làm việc của các nhóm khác. Trên cơ sở đó, GV cho ý kiến nhóm báo cáo và nhận xét tinh thần làm việc của các nhóm khác. GV chuyển sang BT/ chất lượng tiếp theo.

### 3.2.3.3. *Giới thiệu*

\* Giai đoạn 1: Lựa chọn BT, chất lượng để bao gồm:

**B c 1:** *Xác định mục tiêu của môn học, chương học, bài học*

**B c 2:** *Nghiên cứu nội dung của chương học/ bài học.*

**B c 3:** *Xác định những nội dung SV thực hiện, các BT SV thể hiện/tuân theo lịch trình của chương chi tiết môn học nhằm mục đích của SV có thể hoàn thành các nhiệm vụ.*

\* Giai đoạn 2: Triển khai thực hiện

**Bảng 4:** GV giao BT, chốt học cho SV

Khi giao BT, chốt học cho SV, GV cần nêu mục đích, yêu cầu SV cần đạt, thông báo thời gian SV hoàn thành, ghi rõ thời gian các nguồn tài liệu SV có thể tham khảo, sản phẩm học của SV phải thể hiện qua hình thức.

**Bảng 5:** SV thể hiện các nhiệm vụ thực hiện

Thực hiện bài này, SV phải nắm vững lịch trình học tập trong tuần, các nội dung thực tế, trên cơ sở đó lập kế hoạch học nhóm một buổi sáng, tối, cuối tuần.

\* Giai đoạn 3: Đánh giá kết quả thực hiện các BT/chốt học.

Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ thực tế, GV có thể sử dụng các hình thức kiểm tra như: vấn đáp trong giờ lý thuyết, giờ thảo luận, thu vở thực của SV và chấm lý thuyết xuyên. Qua đó, GV hiểu rõ hơn phương pháp dạy học, các nội dung thực tế.

### **3.4. Vai trò của thi tốt nghiệp HTBT trong dạy học học phần GDH có hiệu quả**

#### **Kết luận chương 3**

1. Tích cực hoá hoạt động học tập của SV là quá trình sử dụng các biện pháp dạy học tác động vào quá trình học tập của SV, làm thay đổi vị thế của SV trong quá trình học tập, từ chỗ là chủ thể thụ động trở thành chủ thể tích cực, tự giác, tích cực, tự lực ghi nhớ các nhiệm vụ học tập. Một trong những biện pháp có ý nghĩa thực tiễn cao nhất tích cực hoá hoạt động học tập môn GDH của SV là sử dụng hình thức BT trong dạy học.

2. Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, chúng tôi đã nghiên cứu và hoàn thiện cơ sở lý luận về thi tốt nghiệp và sử dụng BT trong các giờ học bao gồm các yêu cầu, nguyên tắc, quy trình thi tốt nghiệp và sử dụng BT. Mọi môn học có những đặc trưng riêng, khi thi tốt nghiệp BT cần tính đến những yêu cầu riêng, nhìn chung vẫn phải tuân thủ theo một quy trình nhất định mà ít khác biệt cao trong dạy học.

3. Trên cơ sở phân tích nội dung, thiết kế học phần GDH, chúng tôi đã thi tốt nghiệp HTBT phần I: “*Những vấn đề chung trong GDH*”. Về việc sử dụng quy trình sử dụng BT, chúng tôi đã minh họa vì sao sử dụng BT GDH trong các giờ học.

4. Thi tốt nghiệp và sử dụng HTBT nói chung, BT môn GDH nói riêng thể hiện vai trò quan trọng của vai trò của người học, bao gồm những vai trò khác nhau và vai trò của người học. Sự phân biệt các vai trò này nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tại các trường đại học hiện nay.

## **Chương 4**

### **THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM**

#### **4.1. Khái quát chung về quá trình thực nghiệm**

##### **4.1.1. Mục đích thực nghiệm**

Thi c nghi m s ph m nh m ki m ch ng hi u qu c a qui trình s d ng BT và h th ng BT ã thi t k , qua ó b i d ng cho SV thái tích c c v i môn h c.

#### 4.1.2. *N i dung th c nghi m*

Thi c nghi m s d ng h th ng bài t p ã thi t k trong quá trình gi ng d y ch ng II, III (Ph n I) h c ph n giáo d c h c.

#### 4.1.3. *i t ng th c nghi m*

Là SV n m th 2 h HSP và SV n m th nh t h C SP, tr ng i h c H ng c Thanh Hoá. Thi c nghi m s ph m c ti n hành 2 vòng trong hai n m h c, theo hình th c th c nghi m có i ch ng. Các i t ng th c nghi m c ch n m t cách ng u nhiên theo s ph n công gi ng d y. C th nh sau:

- Thi c nghi m vòng 1: n m h c 2010 - 2011

H	L p	i t ng	Ký hi u	S SV
H	K12 Toán	Thi c nghi m	TN 1	43
	K12 Ti ng Anh	i ch ng	C 1	34
C	K32 Toán – Tin	Thi c nghi m	TN 2	77
	K32 Ti ng Anh	i ch ng	C 2	53

- Thi c nghi m vòng 2: N m h c 2011 - 2012.

H	L p	i t ng	Ký hi u	S SV
H	K13 Toán	Thi c nghi m	TN 3	72
	K13 SP Ng v n	i ch ng	C 3	84
C	K33 Toán – Tin	Thi c nghi m	TN 4	36
	K33 Ti ng Anh	i ch ng	C 4	33

#### 4.1.4. *Ph ng pháp th c nghi m*

M i t th c nghi m chúng tôi chia thành 2 giai o n:

\* *Giai o n 1: Thi c nghi m th m dò*

Giai o n này c ti n hành trong n m h c 2010 - 2011 t i khoa kh oa h c t nhiên và khoa ngo i ng . Sau khi k t thúc ch ng I: “GDH là m t khoa h c”, chúng tôi cho SV làm m t bài ki m tra nh m ánh giá m c hi u bi t và k n ng th c hành c a môn h c c a SV. (*Bài ki m tra u vào*)

\* *Giai o n 2: Thi c nghi m tác ng.*

Chúng tôi ti n hành th c nghi m n i dung ch ng II, III (GD và s phát tri n nhân cách, M c ích và nhi m v GD). Sau khi k t thúc ch ng II, chúng tôi cho SV hai l p th c nghi m (TN) và i ch ng ( C) làm (*Bài ki m tra l n 2*). T ng t , sau khi k t thúc n i dung ch ng III, chúng tôi cho SV c a các l p TN và C làm (*Bài ki m tra l n 3*) theo úng l ch trình gi ng d y c a c ng chi ti t.

#### 4.1.5. *Ti n trình th c nghi m*

#### 4.1.6. *Chu n và thang ánh giá th c nghi m*

Ánh giá k t qu th c nghi m, chúng tôi xây d ng chu n và thang ánh giá theo các tiêu chí c b n sau ây:

- *Ánh giá v m c l nh h i ki n th c c a HS: (G m 5 m c )*

- *ánh giá thái độ của SV trong tiếp nhận và ghi nhớ quy tắc các BT*: Thông qua việc quan sát các biểu hiện của SV trong các giờ học, kết luận rút ra trên cơ sở đánh giá của giảng viên, đánh giá của SV, đánh giá của nhóm.

- *ánh giá kết quả ghi nhớ quy tắc BT GDH, kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của SV thực hiện qua các kết quả sau*: Kết quả nhận biết vận dụng, Kết quả sàng lọc các dấu hiệu, xây dựng giả thuyết, kết quả ghi nhớ quy tắc vận dụng, kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện. Mục tiêu thành thực các kết quả này sẽ được chuyển hóa thành qua 5 mức

## **4.2. Giai đoạn thực nghiệm vòng 1**

### **4.2.1. Phân tích kết quả thực nghiệm.**

### **4.2.2. Thực nghiệm vòng 1**

### **4.2.3. đánh giá chung về kết quả thực nghiệm sau vòng 1:**

- *Mục tiêu nhận thức của HS*: SV đã xác định được các dấu hiệu và yêu cầu của BT, biểu thức vận dụng định lý về các giờ quy tắc nhằm vận dụng thực tiễn, SV đã trình bày được những nội dung cơ bản của BT lý thuyết, trong đó đã có sự phân tích, tổng hợp, lập luận, có ví dụ minh họa. Vận dụng C, SV cũng trình bày được những nội dung cơ bản của BT lý thuyết, song mới dừng lại ở tái hiện tri thức một cách thụ động, chưa có tính sáng tạo trong trình bày, còn nhiều lúng túng khi lý giải.

- *ánh giá thái độ vận dụng môn học*: SV có hứng thú tham gia ghi nhớ quy tắc các BT GDH, mục tiêu hiểu bài và vận dụng kiến thức vào ghi nhớ quy tắc vận dụng thực tiễn lập luận TN thực tiễn so với lập luận C. Lập luận C, SV thường chỉ thực hiện các nhiệm vụ học tập khi GV yêu cầu, sự chủ động trong tìm tòi các nguồn tài liệu ghi nhớ quy tắc các BT còn nhiều hạn chế. Hiện tượng làm BT có tính chất ỉ ỉu, trông chờ vào sự hỗ trợ của bạn bè còn xảy ra.

- *ánh giá về kết quả thực hành môn học*: SV đã biết xác định các dấu hiệu và yêu cầu của BT, tuy nhiên kết quả sàng lọc các dấu hiệu, xây dựng giả thuyết, phán đoán hướng ghi nhớ quy tắc vận dụng của SV chưa tốt. Vận dụng TN, các kết quả sàng lọc các dấu hiệu, nhận xét và GQV thực tiễn so với lập luận C. Tuy nhiên, hiện tượng thường xuyên vào sự nhận xét của GV trong ghi nhớ BT vẫn còn xảy ra, tính sáng tạo trong ghi nhớ BT chưa cao.

## **4.3. Thực nghiệm vòng 2**

### **4.3.1. Phân tích kết quả thực nghiệm**

### **4.3.2. Thực nghiệm vòng 2**

### **4.3.3. đánh giá chung về kết quả thực nghiệm sau vòng 2**

- *Vấn đề nhận thức của HS*: SV đã hiểu và nắm vững các nội dung cơ bản của chương trình môn học. Kết quả tái hiện tri thức khá tốt, tuy nhiên tính khoa học, sáng tạo trong trình bày và ghi nhớ quy tắc vận dụng chưa cao, việc ghi nhớ quy tắc những BT còn có những hiểu biết thực tiễn còn hạn chế.

- *Thái độ của SV trong học tập môn GDH*: SV thể hiện sự tập trung nghe giảng, tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong thảo luận nhóm, luôn tôn trọng và lắng nghe ý kiến của bạn bè, có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm

cùng gì i quy t nhi m v chung. Hoàn thành các yêu c u c a GV úng th i gian qui nh.

Trong các gi th o lu n m i nhóm SV ã có nh ng chu n b y các yêu c u. Tuy nhiên, s d ng các hình th c báo cáo nh : tóm t t, XD c ng, l p b ng h th ng, s hoá còn ch a khoa h c, c bi t hình th c báo cáo l p b ng h th ng, s hoá SV ít s d ng. S ph i h p gi a các thành viên trong t th o lu n ôi khi còn ch a t t.

Các nhi m v t h c c SV th c hi n t ng i y , tuy nhiên, k t qu t h c ch y u m i đ ng m c tái hi n l i tri th c.

- V k n ng th c hành môn h c: H u h t SV th c hi n t t k n ng nh h ng v n , xác nh các đ ki n và yêu c u c n tìm. Tuy nhiên, s thành th c các k n ng sàng l c đ ki n, xây đ ng gi thuy t, tính sáng t o trong gi i quy t v n c a SV còn h n ch .

#### K t lu n ch ng 4

Qua phân tích, ánh giá k t qu c a 2 vòng th c nghi m, chúng tôi rút ra nh ng k t lu n:

1. Tr c th c nghi m, trình nh n th c, k n ng th c hành c a các nhóm TN và C t ng ng nhau. SV ã trình bày c nh ng ki n th c c b n c a bài h c, song m i đ ng m c tái hi n tri th c m t cách thu n th c, SV còn nhi u lúng túng khi l y ví d .

ánh giá v k n ng th c hành môn h c: Nhìn chung b c u SV ã bi t xác nh các đ ki n và yêu c u c a BT, tuy nhiên l s k n ng th c hành còn y u, SV còn th ng vào s nh h ng c a GV, tính sáng t o c a SV trong gi i BT ch a cao.

2. Sau th c nghi m, cho th y k t qu c a nhóm TN cao h n nhóm C. T l SV nhóm C t i m trung bình là ch y u, còn t l SV nhóm TN t i m khá t p trung và cao h n so v i nhóm C.

K t qu th c nghi m trên cho th y: H th ng BT GDH xây đ ng b c u s d ng ã em l i hi u qu trong quá trình đ y h c, SV có h ng thú h c t p v i môn h c h n, k n ng th c hành môn h c c rèn luy n th ng xuyên và phát tri n tính sáng t o trong gi i quy t v n . i u này cho th y HTBT xây đ ng phù h p v i n i dung và m c tiêu c a t ng ch n gh c, phù h p v i c i m nh n th c c a ng i h c và vi c t ch c đ y h c c a GV.

3. T k t qu th c nghi m cho th y qui trình s d ng BT trong các gi h c mà chúng tôi xu t hoàn toàn phù h p v i th c ti n, m b o tính h th ng, logic ch t ch gi a các khâu. K t qu c a quá trình th c nghi m ã ch ng minh gi thuy t khoa h c chúng tôi xây đ ng là hoàn toàn úng n.

## K T LU N VÀ KI N NGH

### 1. K t lu n

1.1. GD nhà tr ̄ng, d ̄i s ch ̄ o tr c ti p c a ng ̄i GV là con ̄ng hi u qu nh t, nh h ̄ng cho th ̄ h tr ti p thu có m c ích, có ch n l c, có h th ng tinh hoa di s n v n hoá, khoa h c, ngh ̄ thu t c a loài ng ̄i. Do v y, ng ̄i giáo viên trong nhà tr ̄ng c n ph i có n ng l c chuyên môn v ng vàng, luôn luôn i m i ph ̄ng pháp gi ng d y, chuy n ̄i ho t ̄ng c a ng ̄i h c t tính th ̄ng sang tính ch ̄ng.

1.2. SV có s ch ̄ng trong h c t p và rèn luy n các k ̄n ng ngh nghi p, ngoài vi c t ch c, h ̄ng d n SV l nh h i tri th c môn h c, GV c n chú ý thi t k các BT và t ch c cho SV rèn luy n ngay trong quá trình h c t p t i các tr ̄ng ̄i h c.

1.3. K th a các cách phân chia v BT, d a vào m c ích, yêu c u s d ng BT chúng tôi ̄a ra 2 lo i BT: BT lý thuy t và BT th c hành. Trong m i lo i BT trên có BT tái hi n và BT sáng t o.

1.4. T k t qu ̄i u tra cho th y a s GV và SV có s th ng nh t cao khi ánh giá s c n thi t c a vi c s d ng BT trong d y h c. Tuy nhiên SV ch y u th c hi n BT khi GV yêu c u ho c khi chu n b cho các k thi, các ho t ̄ng mà SV s ph i tr c ti p làm. T k t qu ̄ trên cho th y s ch ̄ng trong h c t p, rèn luy n tay ngh ̄ c a SV ch a t.

Th c tr ̄ng trên do nhi u nguyên nhân khách quan và ch ̄ quan, trong ó nguyên nhân ch ̄ quan là nh ng nguyên nhân ch y u.

1.5. thi t k m t HTBT c n ph i tuân th ̄ l s nguyên t c, trên c s các nguyên t c, lu n án ã ̄a ra qui trình thi t k m t BT, qui trình thi t k HTBT cho m t bài h c, qui trình thi t k HTBT cho m t giáo trình, trong ó gi a các b c có m i quan h v i nhau.

1.6. S d ng BT trong DH c ng c n tuân th ̄ l s nguyên t c, d a trên các nguyên t c trên, chúng tôi xây d ng qui trình s d ng h th ng BT trong 3 lo i gi h c c b n: Gi lý thuy t, gi th o lu n/xêmina, gi t h c. th c hi n có hi u qu các qui trình này, c n m b o các i u ki n nh t nh c v phía GV và SV.

1.7. Trên c s qui trình thi t k BT, c n c vào ch ̄ng trình gi ng d y h c ph n GDH, chúng tôi ã i s ̄u nghiên c u và thi t k h th ng bài t p ph n I: “*Nh ng v n chung c a GDH*” c a h c ph n GDH. H th ng BT GDH a vào th nghi m t i tr ̄ng ̄i h c H ng ̄ c trong hai n m h c 2010 - 2011, 2011 - 2012. K t qu th nghi m ã kh ng nh tính phù h p, tính kh thi, tính hi u qu c a h th ng BT c ng nh qui trình s d ng chúng.

### 2. Ki n ngh

#### 2.1. V phía nhà tr ̄ng

Th ̄ng xuyên c p nh t các ngu n tài li u tham kh o m i nh m áp ng nhu c u h c t p c a SV.

Cần ưu tiên hợp lý số lượng SV trong lớp học nhằm đảm bảo số kiểm soát của GV và chất lượng đào tạo.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thi tốt nghiệp công tác thực hành, thí nghiệm, rèn nghề, phục vụ giảng dạy đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hướng tin cậy.

Tăng thời gian cho SV thực hiện thực hành xuyên suốt các trường học thông, gắn liền với thực tiễn.

## 2.2. Về phía khoa, bộ môn

Hàng năm bộ môn tiếp tục rà soát, ưu tiên các công chi tiết các học phần, content học tập và thi lý thuyết giảng dạy các học phần gắn các trường, gắn các khoa.

Cần cập nhật kiến thức, nội dung các tài liệu môn học, mời bộ môn biên soạn hướng dẫn BT để giảng viên tham khảo, giúp SV có thể rèn nghề, nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho SV.

Công tác thực tế, quản lý việc đánh giá quá trình của mỗi học phần cần kết hợp giữa bộ môn và các quản lý theo quy trình chặt chẽ hơn phòng học.

Tăng cường công tác giảng dạy, rút kinh nghiệm về giảng dạy bộ môn; Nhà trường nên có biện pháp kiểm tra tốt nghiệp của GV theo thi khóa biên.

## 2.3. Về phía giảng viên

Mời GV thực hiện xuyên suốt việc áp dụng pháp lý học theo hướng thực tiễn, nên đưa vào trong chương trình giảng dạy như BT của tình huống có vấn đề nhằm kích thích SV tư duy, khuyến khích SV trình bày quan điểm cá nhân, lắng nghe thông tin trong trình bày, báo cáo sản phẩm thu hoạch.

Mời giảng viên cần đa dạng hóa các hình thức kiểm tra như: KT viết, vẽ, áp dụng, thực nghiệm, thực hành nhóm các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho SV như: KN thuyết trình, KN trình bày bài viết, KN thực hành... kết hợp sử dụng các hình thức đánh giá: đánh giá thực hành xuyên suốt, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ, ưu tiên có tác động thái độ của SV về môi trường học.

Bên cạnh GV phải thực hiện xuyên suốt nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, quan sát và trao đổi thực hành với cán bộ quản lý, GV giảng dạy nhà trường PT nhằm nắm bắt kịp thời những thay đổi trong GD -ĐT tại các bậc học, tổ chức thi tốt nghiệp HTBT nhằm phù hợp với thực tiễn giáo dục PT, vị trí công việc ngành nghề đào tạo, để đảm bảo chất lượng SV nhằm thực hiện mục tiêu GD các trường học.